

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:495/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 12 - 2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Phan Công Điện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HN, ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HN, ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Bùi Việt H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2.Bị đơn: **Trần Văn B**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Việt H (sau đây gọi là H) trình bày: giữa bà và bị đơn Trần Văn B (sau đây gọi là B) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1990, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B không lo làm ăn mà có thói quen cờ bạc, từ đó ông B lấy tài sản của gia đình

đem đi bán, có lần ông B thua bài về nhà kiếm chuyện đánh đập bà, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông B không thay đổi nên đã sống ly thân. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với ông B.

-Về con chung: có bốn người con chung:

1. Trần Thuỷ T, sinh năm 1992;
2. Trần Thuý H, sinh năm 1993;
3. Trần Minh K; sinh năm 1995;
4. Trần Gia B, sinh ngày 26.5.2007.

Các người con chung đã đủ tuổi trưởng thành, riêng cháu B từ khi ly thân đến nay cháu sống với bà H, nay ly hôn cháu có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại chưa phải cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 14.7.2018 và tại phiên tòa cháu Trần Gia B trình bày (có sự chứng kiến của bà H): khi cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị tiếp tục giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng; tài sản không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn B được Tòa án triệu tập họp nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: bà H và ông B qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 1990, đến ngày 17 tháng 3 năm

2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa bà và ông B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày thì ông B không lo làm ăn, bà H có khuyên lơn mà ông B không thay đổi được gì, vợ chồng không còn biện pháp khắc phục và đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để ông, bà được đoàn tụ nhưng ông B không đến để hòa giải đoàn tụ, từ đó xác định ông B cũng còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: có ba người con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu Gia B thì từ khi ly thân đến nay cháu sống với bà H, nguyện vọng cháu là được sống với mẹ, bà H cũng đồng ý nuôi cháu nên cần tiếp tục giao cháu Gia B cho bà H nuôi dưỡng và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi ông B, bà H có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà H chưa yêu cầu ông B cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B mà không ai có quyền cản trở. .

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Bùi Việt H và ông Trần Văn B.

2. Về nuôi con chung: bà Bùi Việt H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia B (nữ), sinh ngày 26 tháng 5 năm 2007 cho đến khi cháu Gia B đủ 18 tuổi hoặc khi ông B, bà H có yêu cầu khác.

ông Trần Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Bùi Việt H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016660, ngày 17.7.2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- UBND xã Long Thạnh, h. Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm